

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TB
TỈNH ĐỒNG THÁP

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 135/2024/HNGĐ-ST
Ngày: 23-8-2024
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TB, TỈNH ĐỒNG THÁP

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trần Xuân Nữ.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Ngô Văn Khon;
- Bà Võ Thị Tuyết Trinh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Trịnh Thanh Phong – Thư ký Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

Trong ngày 23 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện TB xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 238/2024/TLST-HNGĐ ngày 24 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 123/2024/QĐXXST-HNGĐ ngày 07 tháng 8 năm 2024, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ngô Thị H, sinh năm 1968.

Bị đơn: Ngô Văn T, sinh năm 1968.

Cùng địa chỉ: Số 116, Ấp 1, xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện và quá trình tố tụng, nguyên đơn bà Ngô Thị H trình bày:*

Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H và ông Ngô Văn T kết hôn năm 2002, có đăng ký kết hôn ngày 08/12/2002 tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp. Hôn nhân giữa ông bà được xây dựng trên cơ sở tự tình, quen biết.

Thời gian đầu vợ chồng chung sống hạnh phúc, nhưng đến khoảng năm 2013 thì phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, thường xuyên cự cãi. Nguyên nhân là do ông T có tình cảm với người phụ nữ khác, tính tình nóng nảy, thường đánh bà H, khi đi làm về nhà ông T không quan tâm đến vợ con, để một mình bà H chăm lo mọi việc trong nhà. Từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng trở nên phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà không còn sống chung từ năm 2013 đến nay.

Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không hạnh phúc nên bà H yêu cầu ly hôn với ông T.

Về con chung: Vợ chồng có 03 con chung tên Ngô Văn Hiếu, sinh năm 1988 (đã chết); Ngô Minh Hiền, sinh năm 1991, và Ngô Minh Hậu, sinh năm 1994. Hiện nay, Minh Hiền và Minh Hậu đã thành niên, có khả năng lao động nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, bị đơn ông Ngô Văn T đã được Toà án tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng, nhưng ông T không có văn bản ghi ý kiến về việc bà H yêu cầu ly hôn, đồng thời đều vắng mặt có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H và các tài liệu, chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án thể hiện quan hệ pháp luật tranh chấp giữa các đương sự là tranh chấp về hôn nhân và gia đình ly hôn. Bị đơn ông Ngô Văn T có địa chỉ tại xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện TB, tỉnh Đồng Tháp theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Các đương sự được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ nhất, bà H và ông T đều vắng mặt có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Tòa án tiến hành xét xử vắng mặt bà H và ông T theo quy định tại khoản 1 Điều 227 và khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung:

Về hôn nhân: Hôn nhân giữa bà Ngô Thị H và ông Ngô Văn T là hợp pháp, ông bà có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã PL, huyện TB, tỉnh Đồng Tháp vào ngày 08/12/2002. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc được khoảng thời gian đầu, sau đó thì phát sinh mâu thuẫn. Bà H giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và vắng mặt tại phiên tòa, ông T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa ông T không có mặt để trình bày ý kiến.

Hội đồng xét xử xét thấy, bà H và ông T có nhiều mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, không còn hòa hợp trong cuộc sống. Nguyên nhân là do ông T thiếu sự quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ bà H trong gia đình, không vun đắp tình cảm giữa vợ chồng, từ đó khiến cho tình cảm vợ chồng dần phai nhạt, hôn nhân không còn hạnh phúc. Ông bà đã sống xa nhau từ năm 2013 nhưng cả hai không có biện pháp để tháo gỡ mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm vợ chồng. Từ đó cho thấy đời sống chung giữa ông bà không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà H là phù hợp với quy định tại Điều 51, Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Về con chung: Bà H và ông T có 03 con chung tên Ngô Văn Hiếu, sinh năm 1988 (đã chết); Ngô Minh Hiền, sinh năm 1991, và Ngô Minh Hậu, sinh năm 1994.

Hiện nay, con chung Minh Hiền và Minh Hậu đã trưởng thành và có khả năng lao động nên bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết. Đối với ông T không có văn bản ghi ý kiến và vắng mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa. Vì vậy, Hội đồng xét xử không xem xét.

Về tài sản chung, nợ chung: Bà H không yêu cầu Tòa án giải quyết, ông T không có mặt tại Tòa án trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa để trình bày ý kiến, vì vậy Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] Về án phí: Bà H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, các Điều 228, 266, 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự;

Các điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Ngô Thị H.

- Về hôn nhân: Bà Ngô Thị H được ly hôn với ông Ngô Văn T.
- Về con chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.
- Về tài sản chung, nợ chung: Không có yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Về án phí: Bà Ngô Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm về hôn nhân và gia đình là 300.000 đồng, được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí số 0006947 ngày 14/06/2024 của Chi cục thi hành án dân sự huyện TB, tỉnh Đồng Tháp; như vậy bà H đã nộp xong án phí dân sự sơ thẩm.

Nguyên đơn và bị đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

**THẨM PHÁN
CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Ngô Văn Khon – Võ Thị Tuyết Trinh

Trần Xuân Nữ

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND H. TB;
- CCTHADS H. TB;
- TAND tỉnh Đồng Tháp;
- UBND xã PL, H. TB, Đồng Tháp (Số ĐKKH: 489/2002, ngày 08/12/2002);
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trần Xuân Nữ